

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Số: 180/UBND-KSTT

V/v cấu hình thời gian tiếp nhận
thủ tục hành chính (TTHC) thực
hiện theo cơ chế một cửa liên
thông tại UBND cấp xã thuộc
lĩnh vực Đất đai

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thừa Thiên Huế, ngày 06 tháng 01 năm 2023

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế;
- UBND các xã, phường, thị trấn.

Thực hiện Quyết định số 1082/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực Đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế (bao gồm thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã) và Quyết định số 2563/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong lĩnh vực Đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh/UBND cấp huyện và UBND cấp xã. Để việc giải quyết hồ sơ liên thông được tiếp nhận và trả kết quả tại UBND cấp xã đảm bảo thời gian quy định tại Khoản 40 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Phó Chủ tịch UBND tỉnh Phan Quý Phương có ý kiến như sau:

1. Cho phép cấu hình thêm thời gian tiếp nhận hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường (do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai trực tiếp thực hiện TTHC), UBND cấp huyện khi tiếp nhận tại UBND cấp xã (*Đính kèm Phụ lục Danh mục TTHC tiếp nhận tại UBND cấp xã*).

2. UBND cấp xã thực hiện việc tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC đảm bảo theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 7 và Điều 8 của Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường (do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai trực tiếp thực hiện TTHC), UBND cấp huyện thực hiện việc tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC theo quy định tại Khoản 4 Điều 7, Khoản 8, Khoản 9 Điều 9 và Khoản 5 Điều 11 của Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND các huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Giao Trung tâm Hành chính công cấp huyện giám sát, theo dõi các hồ sơ, TTHC liên thông thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện được giao tiếp nhận và trả kết quả tại UBND cấp xã theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND các huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế.

Kịp thời báo cáo Lãnh đạo có thẩm quyền, không để hồ sơ tiếp nhận liên thông giải quyết trễ hạn. Đồng thời, hướng dẫn, đôn đốc UBND cấp xã tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo theo Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế.

5. Đối với việc chấm điểm, xếp loại công tác cải cách hành chính hằng năm tại cấp xã và cấp huyện, giao Sở Nội vụ lưu ý không trừ điểm đối với trường hợp hồ sơ giải quyết trễ hạn, cấu hình vượt thời gian trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đối với các nội dung nêu trên.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ (p/h);
- Trung tâm Phục vụ HCC;
- Trung tâm HCC các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, KSTT.

TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Hoàng Việt Cường

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TIẾP NHẬN TẠI UBND CẤP XÃ
(Kèm theo Công văn số 180/UBND-KSTT ngày 06 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Tên TTHC	Mã số TTHC	Thời gian Bộ Tài nguyên và Môi trường công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Thời gian UBND tỉnh công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh	Thời gian cấu hình thêm tiếp nhận tại cấp xã
1	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	1.001991	30 ngày	30 ngày	01 ngày
2	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	1.005398	30 ngày	20 ngày	01 ngày
3	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	1.004238	03 ngày	03 ngày	01 ngày
4	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	1.004227	10 ngày	10 ngày	01 ngày
5	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	1.004221	10 ngày	10 ngày	01 ngày
6	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	1.004199	07 ngày	07 ngày	01 ngày
7	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào giấy chứng nhận đã cấp	2.000976	15 ngày	15 ngày	01 ngày
8	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát	1.002273	15 ngày	15 ngày	01 ngày

	triển nhà ở				
9	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	1.002993	10 ngày	10 ngày	01 ngày
10	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận.	2.000889	10 ngày	10 ngày	01 ngày
11	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp hòa giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	2.000880	10 ngày	10 ngày	01 ngày
12	Cấp lại giấy chứng nhận hoặc cấp lại trang bổ sung của giấy chứng nhận do bị mất	1.005194	10 ngày	10 ngày	01 ngày
13	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	1.001045	10 ngày	10 ngày	01 ngày
14	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	1.001009	10 ngày	10 ngày	01 ngày
15	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	1.004206	05 ngày	05 ngày	01 ngày
16	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá	2.001761	10 ngày	10 ngày	01 ngày

	nhân				
17	Đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	1.003003	30 ngày	30 ngày	01 ngày
18	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	2.000983	30 ngày	25 ngày	01 ngày
19	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	1.002255	30 ngày	25 ngày	01 ngày
20	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	1.001134	30 ngày	10 ngày	01 ngày
21	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện “dồn điền đổi thửa” (đồng loạt)	1.003572	50 ngày	50 ngày	01 ngày
22	Thủ tục Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	1.001990	07 ngày	07 ngày	01 ngày

Ghi chú: Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định.